

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 09/3/2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Bảy

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị L (tên thường gọi: H); Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ninh Thị Nguyên H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Kim Văn V ; Sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị N, sinh năm 1983. (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

+ Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên*

đơn Bà Đào Thị L (Hiện) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ninh Thị Nguyên H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà L có cho Ông Kim Văn V vay nhiều lần tiền, tổng cộng là 199.000.000đ, cụ thể: Ngày 15/3/2018 cho vay 30.000.000đồng; Ngày 23/3/2018 cho vay 50.000.000đồng; Ngày 30/3/2018 cho vay 30.000.000đồng; Ngày 25/4/2018 cho vay 40.000.000đồng và cuối năm 2016 bà L cho vay thêm 49.000.000đồng. Mục đích ông V vay là để cho vợ chồng ông Ngô Văn H bà Hoàng Thị M vay lại để hưởng tiền lãi. Các lần vay tiền, giao nhận tiền giữa ông V và bà L đều không làm giấy tờ, thỏa thuận thời hạn trả các khoản tiền là khi bà M trả lại tiền cho ông V, ngoài ra cũng không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Việc vay tiền giữa ông V và ông H bà M được ông V viết giấy biên bản mượn tiền ngày 23/3/2018, ngày 15/3/2018, ngày 30/3/2018. Các giấy vay tiền ông V yêu cầu bà ký vào giấy với tư cách người có tiền như một người chứng kiến, các giấy cho vay tiền do ông V giữ.

Sau khi vợ chồng ông H bà M bỏ đi khỏi địa phương, ông V làm đơn tố cáo và đưa ra các biên bản nhận tiền. Trong nội dung đơn tố cáo và các biên bản mượn tiền thể hiện việc ông V vay của bà L các khoản tiền nêu trên. Tất cả các khoản vay trên bà L đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nhưng ông V không thực hiện. Vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả lại số tiền vay gốc là 190.000.000đồng và các khoản tiền lãi như nội dung đơn khởi kiện với lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay cho đến thời điểm khởi kiện tổng cộng cả gốc và lãi là 239.611.500đồng, yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi xét xử và thi hành xong bản án. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ngày 20/02/2020 Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nộp văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 49.000.000đồng cho vay cuối năm 2016.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Ông Kim Văn V phải trả số tiền gốc 150.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày vay với mức lãi suất 1,125%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.243.250đồng. tổng cộng cả gốc và lãi là 189.243.250đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

****Bị đơn Ông Kim Văn V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị N trình bày:***

Ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu ông V trả là nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông Ngô Văn H bà Hoàng Thị M. Nguyên nhân do bà L mới từ ngoài Bắc vào sinh sống, chưa có hộ khẩu tại địa phương. Bà L có tiền và có nhu cầu cho vay nên nói với ông V là có khách thì dẫn đến. thời điểm đó giữa ông V và bà L tình cảm đang tốt đẹp. Ông V chỉ đứng ra giới thiệu vợ chồng bà M với bà L giao dịch đồng thời ký tên vào mục người giúp vay tiền như tư cách một người làm chứng, chứ không phải là bảo lãnh hoặc đứng ra thỏa thuận vay tiền trực tiếp từ bà L. Bản thân ông V cũng trực tiếp cho bà M vay tiền nên khi ông H bà M đã bỏ trốn khỏi địa phương, ông V đã làm đơn tố cáo ông H bà M nhưng phía Cơ quan cảnh sát điều tra huyện B không khởi

tổ, hiện nay ông V cũng không tiếp tục yêu cầu cơ quan điều tra xử lý. Lý do ông V làm đơn tố cáo trong đó có ghi phần nợ bà L là vì thời điểm tố cáo do bà L không có hộ khẩu tại địa phương nên bà L nhờ con ông V viết dùm và đưa cho ông V ký, thực chất giữa ông V và bà L không có sự cho vay và giao nhận tiền như bà L trình bày. Do đó, Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng;

- Về nội dung: căn cứ vào Điều 471, 474 và 468 Bộ Luật dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông V phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 110.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền 40.000.000đồng ngày 25/4/2018. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 49.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] *Về tư cách tố tụng, thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Căn cứ vào các tờ giấy biên nhận tiền mà nguyên đơn nộp và lời khai của các đương sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền đã vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự chứ không phải tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định ông Ngô Văn H, bà Hoàng Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, ông H bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn Bà Đào Thị L cho rằng bị đơn Ông Kim Văn V vay tiền của nguyên đơn thể hiện qua nội dung: đơn tố cáo của bị đơn ngày 06/12/2018 và trong giấy biên nhận tiền ngày 15/3/2018, 23/3/2018 và ngày 30/3/2018.

Hội đồng xét xử thấy: Tại các Biên bản mượn tiền ngày 15/3/2018, 23/3/2018 và ngày 30/3/2018 đều thể hiện nội dung ông V là người đứng giúp vợ chồng ông H bà M vay tiền, ông V ký tên dưới mục “Người đứng giúp”, bà Hoàng Thị M ký tên dưới mục “người mượn tiền”, bà Đào Thị H (L) ký tên dưới mục “người có tiền”, các giấy này đều không nêu tên người cho vay và nghĩa vụ của ông V về việc vay tiền nêu trên. Mặt khác theo biên bản mượn tiền ngày 15/3/2018 có nội dung ngày vay tiền vào ngày 15/3/2018 hai bên thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 30/12/2018; Biên bản mượn tiền ngày 23/3/2018 hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền vào ngày 30/9/2018; Biên bản mượn tiền ngày 30/3/2018 hai bên thỏa thuận

thời hạn trả tiền vào ngày 30/3/2019. Như vậy các lần vay tiền đều có thỏa thuận thời hạn trả tiền. Tuy nhiên cả 03 biên bản mượn tiền đều thể hiện “...biên bản thỏa thuận nhất trí đôi bên, nếu sai người mượn tiền phải chịu trước pháp luật...”, mà trong các giấy biên bản mượn tiền thì người mượn tiền là bà Hoàng Thị M. Mặt khác, tại đơn tố cáo của Ông Kim Văn V ngày 06/12/2018 thể hiện nội dung vợ chồng ông H bà M có đến nhà ông V vay tiền và nhờ ông V mượn tiền của Bà Đào Thị L các khoản tiền như nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên phía bị đơn cho rằng khi đi làm đơn tố cáo tại Công an thì bà L và ông V cùng đi tố cáo nhưng do bà L không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nên để một mình ông V ký tên. Nội dung đơn do anh Kim Văn Việt là con trai ông V viết, ông V chỉ ký tên, không phải ghi ông V là người vay tiền của bà L. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn căn cứ vào 03 tờ giấy biên bản mượn tiền và đơn tố cáo ngày 06/12/2018 để giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài những tài liệu chứng cứ trên nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền giữa bà L và ông V.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ thể hiện ông V là người trực tiếp vay tiền vào các ngày 15/3/2018, 23/3/2018 và ngày 30/3/2018 của Bà Đào Thị L để cho bà Hoàng Thị M vay, mà các khoản vay trên đều thể hiện bà Hoàng Thị M là người trực tiếp vay thông qua sự giới thiệu của Ông Kim Văn V. Do đó nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà Hoàng Thị M ông Ngô Văn H chứ không phải Ông Kim Văn V. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất cho rằng ông V không phải là người bảo lãnh các khoản vay, ông V không chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L khi bà M ông H không trả nợ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông V trả tiền là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 49.000.000đồng đối với bị đơn. Xét thấy việc rút đơn là tự nguyện nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 288 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đào Thị L đối với bị đơn Ông Kim Văn V về việc yêu cầu Ông Kim Văn V phải trả số tiền gốc 150.000.000đồng và tiền lãi 39.243.250đồng.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đào Thị L đối với bị đơn Ông Kim Văn V về yêu cầu trả số tiền vay 49.000.000đồng.

[3]. Về án phí: Buộc Bà Đào Thị L phải chịu 9.462.162đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 5.990.000đ tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009549 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà L còn phải nộp số tiền án phí 3.472.162đồng.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐIỀU THỊ HẠNH

